

Bản án số: 270/2024/DS - PT
Ngày: 18-6-2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Kim Sang;

2. Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2024/TLPT- DS ngày 04 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST, ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lê Phương N, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị N: Bà Mai Thị Kim H, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: Khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Theo Văn bản uỷ quyền ngày 06 tháng 9 năm 2023. Có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thúy K, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: tổ B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn Lê Thúy K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18-8-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Lê Phương N và người đại diện theo uỷ quyền của chị N là bà Mai Thị Kim H trình bày:*

Chị N có cho chị Lê Thúy K vay tiền nhiều lần, những lần đầu đã thanh toán xong. Hiện còn 03 khoản tiền vay sau, chị K chưa trả cho chị N, cụ thể:

- Khoản tiền vay ngày 28-02-2023, số tiền 50.000.000 đồng, mục đích chị K vay để mua vườn cao su khai thác mủ. Chị K có ghi vào sổ của chị N, lãi suất thoả thuận 2%/tháng, chị K có đóng lãi đầy đủ hàng tháng cho chị N.

- Khoản tiền vay ngày 02-7-2023, số tiền 40.000.000 đồng, chị K có ghi vào sổ cho chị N, lãi suất 2%/tháng. Khoản tiền này, chị K chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho chị N.

- Khoản tiền vay ngày 14-8-2023, số tiền 100.000.000 đồng, mục đích chị K vay để đáo hạn ngân hàng. Chị K hẹn, sau khi đáo nợ ngân hàng xong, vay lại tiền ngân hàng, chị K sẽ trả hết nợ cho chị N.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay để đáo hạn ngân hàng được khoảng 02 ngày, chị K đến tìm chị N và nói ngân hàng không cho vay lại, hiện tại có rất nhiều người khởi kiện chị K, nếu chị N đồng ý thì mỗi tháng chị K trả góp 2.000.000 đồng tiền gốc, nếu không chịu thì khởi kiện.

Nay, chị N khởi kiện yêu cầu chị K trả cho chị N số tiền nợ vay gốc là 190.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, kể từ ngày 14-8-2023. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 18-8-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 25-3-2024

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thúy K đã được Toà án tiến hành triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, nên không có lời trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST, ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lê Phương N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Lê Thúy K. Buộc chị Lê Thúy K có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Lê Phương N số tiền nợ vay gốc là 190.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 11.406.000 đồng. Tổng cộng 201.406.000 (hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, ... và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-4-2024, bị đơn **Lê Thúy K** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về số tiền vay gốc 90.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay gốc này, vì bị đơn đã trả xong cho nguyên đơn kể cả tiền lãi.

Tại phiên toà:

- Bị đơn **Lê Thúy K** trình bày ý kiến: giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tổng số tiền vay gốc 90.000.000 đồng. Bởi vì, số tiền 90.000.000 đồng trong 02 giấy nợ ngày 02-01-2023 và 28-01-2023 chị đã trả cho chị **N** tiền gốc và tiền lãi. Trong đó, giấy nợ ngày 02-01-2023 với số tiền vay gốc 40.000.000 đồng, chị đã trả được 02 tháng tiền lãi với mức lãi suất 6%/tháng, số tiền lãi là 4.800.000 đồng; giấy nợ ngày 28-01-2023 với số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, chị đã trả tiền lãi được 06 tháng với lãi suất 6%/tháng, số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Tuy nhiên khi trả tiền nợ gốc và tiền lãi đối với 02 khoản vay này chị không lấy lại giấy chính vay tiền. Nay chị **N** gộp chung lại cả 03 giấy nợ tổng cộng 190.000.000 đồng khởi kiện yêu cầu chị trả là không đúng sự thật.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà **Mai Thị Kim H** trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

+ Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Lê Thúy K**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Toà án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 25-3-2024, vắng mặt bị đơn **Lê Thúy K**; ngày 11-4-2024, Toà án cấp sơ thẩm tổng đạt cho bị đơn; ngày 12-4-2024, bị đơn làm đơn kháng cáo; đơn kháng cáo còn trong thời hạn luật định, nội dung hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn **Lê Thúy K**, thấy rằng:

[2.1] Chị **Nguyễn Lê Phương N** khởi kiện yêu cầu chị **Lê Thúy K** trả số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng và và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Căn cứ để chị **N** khởi kiện chị **K** là 01 “Giấy vay tiền” ghi ngày 14-8-2023 (bút lục số 36) và 01 giấy tay ghi “28 tây tháng 2-2023” (bút lục số 37) đều có chữ ký của và chữ

viết của chị Lê Thúy K. Căn cứ vào 02 giấy vay tiền này thể hiện chị K vay tiền của chị N 03 lần, cụ thể như sau: lần 1 vay 50.000.000 đồng vào ngày 28-02-2023; lần 2 vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 02-7-2023, cả 02 lần này không quy định lãi suất; lần 3 vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 14-08-2024, lãi suất thoả thuận, mục đích vay đáo nợ ngân hàng.

[2.2] Tại đơn kháng cáo ngày 12-4-2024 và tại phiên toà phúc thẩm, chị Lê Thúy K trình bày, thừa nhận tổng số tiền vay gốc 90.000.000 đồng theo giấy vay tiền (tại bút lục số 37) chị N cung cấp cho Toà án khi khởi kiện là đúng, tuy nhiên chị đã trả xong kể cả tiền lãi. Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của chị N không thừa nhận, chị K không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi:

[2.4.1] Đối với số tiền 50.000.000 đồng vay vào ngày 28-02-2023, chị K cho rằng đã trả tiền lãi cho chị N được 06 lần, mức lãi suất 6%/tháng, với tổng số tiền là 18.000.000 đồng; chị N và người đại diện hợp pháp của chị N không thừa nhận, chị K không đưa ra được tài liệu chứng cứ nên không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, chị N khai nhận đối với khoản tiền vay này chị K đã trả lãi hàng tháng với mức lãi suất 2%/tháng, đến khi vay tiền lần 2 vào ngày 02-7-2023 với số tiền 40.000.000 đồng thì chị K không trả tiền lãi nữa. Như vậy, tính đến ngày 02-7-2023 chị K đã trả tiền lãi cho chị N đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng được 04 tháng, số tiền lãi đã trả là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 4.000.000 \text{ đồng}$. Do chị K và chị N không thống nhất về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chị K có trách nhiệm trả tiền lãi cho chị N theo mức lãi suất 0,83%/tháng; số tiền lãi phải trả 04 tháng cho khoản tiền vay này là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 1.660.000 \text{ đồng}$. Do đó chị K đã trả thừa tiền lãi cho chị N trong 04 tháng này là: $4.000.000 \text{ đồng} - 1.660.000 \text{ đồng} = 2.340.000 \text{ đồng}$; căn cứ vào Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì số tiền lãi trả thừa này được khấu trừ vào số tiền gốc của lần vay này. Như vậy đối với khoản vay gốc ngày 28-02-2023, tính đến ngày 02-7-2023 thì chị K còn nợ lại chị N là: $50.000.000 \text{ đồng} - 2.340.000 \text{ đồng} = 47.660.000 \text{ đồng}$. Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc chị K trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng ngày 28-02-2023 là chưa đúng, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng pháp luật.

[2.4.2] Đối với khoản tiền vay 40.000.000 đồng ngày 02-7-2023, chị K trình bày đã trả tiền lãi cho chị N được 02 lần, mức lãi suất 6%/tháng với tổng số tiền lãi 2.400.000 đồng. Chị N không thừa nhận, chị K không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4.3] Như vậy tổng số tiền gốc tính đến ngày vay sau cùng (ngày 14-8-2023), chị K còn nợ chị N là: $47.660.000 \text{ đồng} + 40.000.000 \text{ đồng} + 100.000.000 \text{ đồng} = 187.660.000 \text{ đồng}$.

[2.4.4] Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 18-8-2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25-3-2024) là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể là: 187.660.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 07 ngày = 11.257.700 đồng (làm tròn).

[2.5] Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi, chị **Lê Thúy K** phải có nghĩa vụ trả cho chị **Nguyễn Lê Phương N** là: 187.660.000 đồng + 11.257.700 đồng = 198.917.700 đồng.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn **Lê Thúy K**; chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về nghĩa vụ chậm thực hiện hợp đồng:

[4.1] Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP quy định: “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thoả thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*”.

Xét thấy, chị **N** cho chị **K** vay tiền có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không thống nhất nhau về mức lãi suất, do đó căn cứ vào hướng dẫn này thì phân quyết định của bản án cần phải tuyên nghĩa vụ chậm thực hiện trong hợp đồng đối với chị **K** như sau: “*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự*”.

[4.2] Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án*” là chưa đúng hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho đúng quy định của pháp luật, Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí:

[5.1] Chị **Nguyễn Lê Phương N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.750.000 đồng, theo Biên lai thu số 0008625 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị **N** được trả lại 4.450.000 (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí.

[5.2] Do kháng cáo được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm, nên chị **Lê Thúy K** không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; đồng thời điều chỉnh lại tiền án phí dân sự sơ thẩm chị **K** phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn **Lê Thúy K**;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Lê Phương N** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với chị **Lê Thúy K**.

1.1. Buộc chị **Lê Thúy K** có nghĩa vụ trả cho chị **Nguyễn Lê Phương N** số tiền nợ vay gốc là 187.660.000 đồng và tiền lãi là 11.257.700 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 198.917.700 (một trăm chín mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn bảy trăm) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Lê Phương N** đối với chị **Lê Thúy K** về số tiền vay gốc 2.340.000 (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị **Nguyễn Lê Phương N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.750.000 đồng, theo Biên lai thu số 0008625 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị **N** được trả lại 4.450.000 (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí.

- Chị **Lê Thúy K** phải chịu 9.945.800 (chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm

Chị **Lê Thúy K** không phải chịu; được hoàn trả lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006080 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh TN
- TAND huyện Tân Châu;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu